TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304 /2019/DS-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Cúc
- Ông Phan Thành Luân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-DS ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP TT
Địa chỉ: lầu 8, 266-268 Nam K, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền : Ông Trần Đức TH.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983
Địa chỉ: 249/9 Nguyễn K, phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/11/2010, bà Nguyễn Thị Thu T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP TT (gọi tắt là Ngân hàng), sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất 2,15%/ tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 756.916.209 đồng, từ khi kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 853.578.000 đồng (tiền gốc 669.692.422 đồng; tiền lãi 183.885.578 đồng). Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán của từng kỳ thanh toán nên ngày 16/11/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/8/2019, bà T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số

tiền 147.046.495 đồng (trong đó tiền gốc là 87.223.787 đồng và tiền lãi là 59.822.708 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền 147.046.495 đồng (trong đó tiền gốc là 87.223.787 đồng và tiền lãi là 59.822.708 đồng) tính đến ngày 15/8/2019; trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 16/8/2019 theo quy định của hợp đồng đã ký cho đến khi bà T trả hết nợ vay.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên ký kết ngày 03/11/2010 có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa tổ chức tín dụng với khách hàng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy :

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/11/2010, bản sao kê quá trình trả tiền gốc, lãi của bà T từ ngày 15/11/2010 đến ngày 15/8/2017 cho Ngân hàng có cơ sỡ xác định bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền

là 756.916.209 đồng và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 853.578.000 đồng (tiền gốc 669.692.422 đồng; tiền lãi 183.885.578 đồng).

Từ sau ngày 15/8/2017 đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng do đó có cơ sở xác định bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ của Ngân hàng số tiền 147.046.495 đồng (trong đó tiền gốc là 87.223.787 đồng và tiền lãi là 59.822.708 đồng) tính đến ngày 15/8/2019.

Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 2,15%/tháng và lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng:

"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Tại mục 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần TT quy định: *"Khi sự kiện vi phạm xảy ra thì đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ*". Xét thấy, đến nay đã quá thời hạn thực hiện nghĩa vụ của các đợt thanh toán nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mỗi kỳ trả nợ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T thanh toán cho ngân hàng số tiền là 147.046.495 đồng (trong đó tiền gốc là 87.223.787 đồng và tiền lãi là 59.822.708 đồng) tính đến ngày 15/8/2019; trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 16/8/2019 theo quy định của hợp đồng đã ký cho đến khi bà T trả hết nợ vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản.

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền là 147.046.495 (một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi lăm đồng) đồng (trong đó tiền gốc là 87.223.787 đồng và tiền lãi là 59.822.708 đồng) tính đến ngày 15/8/2019; trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 16/8/2019 cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/11/2010; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại TT.

2) Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.352.325 (bảy triệu ba trăm năm mươi hai ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần TT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền 2.747.879 (Hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016799 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4) Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thị Minh Tú